

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

### Kính gửi: Quý công ty.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu “**Cung cấp, lắp đặt cửa sổ nhôm kính, vách kính, vách kính tấm**” thuộc Công trình “Tòa nhà NO-DV02”, dự án Khu văn phòng giao dịch, nhà ở chung cư cao tầng, khu căn hộ khách sạn lưu trú, khu biệt thự và nhà vườn để bán và cho thuê – Rose Town tại Km 9 đường Ngọc Hồi, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội theo hình thức chào giá cạnh tranh, sử dụng nguồn vốn tự có, vốn vay và vốn huy động.

1. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai kính mời các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tham gia chào giá gói thầu nêu trên. Cụ thể:
2. Thông tin về báo giá và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu được nêu trong phần quy định chung hồ sơ chào giá cạnh tranh của gói thầu này.
3. Phạm vi công việc: **Cung cấp, lắp đặt cửa sổ nhôm kính, vách kính, vách kính tấm**
4. Giá chào thầu: Giá chào bao gồm Gia công, vận chuyển, lắp đặt, điện nước, lắp đặt, vệ sinh, hoàn thiện tại công trình và toàn bộ chi phí khác phục vụ gói thầu
5. Hình thức hợp đồng:
  - Hình thức hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định
  - Tạm ứng hợp đồng: tạm ứng 20% giá trị hợp đồng;
  - Thu hồi tạm ứng: Thu hồi qua các đợt thanh toán giai đoạn và thu hồi hết khi đạt 80% giá trị của giá trị hợp đồng;
  - Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Tương ứng với giá trị tạm ứng của hợp đồng và có hiệu lực đến khi thu hồi hết giá trị tạm ứng;
  - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Tương đương với 10% giá trị hợp đồng, hiệu lực đến khi hoàn thành toàn bộ nội dung công việc hợp đồng;
  - Bảo hành và bảo lãnh bảo hành: Bảo hành 24 tháng, bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị quyết toán hợp đồng (Có các biểu mẫu kèm theo).
6. Yêu cầu của hồ sơ chào giá: 1 bản gốc bao gồm
  - Hồ sơ năng lực của nhà thầu;
  - Hồ sơ kỹ thuật;
  - Đơn chào giá: theo mẫu kèm theo (có ký tên và đóng dấu đại diện pháp nhân). Hiệu lực của đơn chào giá không nhỏ hơn 90 ngày.
  - Bảng chào giá chi tiết: theo bảng khối lượng mời thầu.
7. Tiêu chí đánh giá: đánh giá dựa trên tiêu chí về mặt năng lực kỹ thuật và tài chính.
8. Địa chỉ tiếp nhận thông tin và hồ sơ yêu cầu về chào giá của bên mời thầu:

**Phòng đấu thầu & quản lý dự án - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai**

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa tháp Xuân Mai, Tô Hiệu, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại: Di động 097.333.3457 (Mr. Vũ) Cố định 04.73038866-604

9. Thời gian nhận hồ sơ yêu cầu từ 08h00 phút ngày 18/03/2019 đến 17h00 phút ngày 22/03/2019

10. Thời gian nộp hồ sơ chào giá cạnh tranh của nhà thầu là: Trước 17h00 phút ngày: 28/03/2019

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai rất mong nhận được sự tham gia của Quý Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổ đấu thầu;
- Lưu ĐT&QLDA.

K/T. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Trung Thắng

## I. THÔNG TIN DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

### 1. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Khu văn phòng giao dịch, nhà ở chung cư cao tầng, khu căn hộ khách sạn lưu trú, khu biệt thự và nhà vườn để bán và cho thuê – Rose Town.
- Cấp công trình: Công trình dân dụng cấp I.
- Địa điểm xây dựng: Km 9 đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- Chủ đầu tư: Liên danh Công ty CP sản xuất Bao Bì và hàng xuất khẩu và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai.
- Tổng thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai.
- Quy mô dự án:

#### Toà NO-DV01

- Diện tích khu đất : 3.152 m<sup>2</sup>
- Diện tích xây dựng : 1.680 m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn tầng hầm : 2.821 m<sup>2</sup>
- Tầng cao : 27 tầng nổi + 03 tầng hầm

#### Toà NO-DV02

- Diện tích khu đất : 2.473 m<sup>2</sup>
- Diện tích xây dựng : 1.140 m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn tầng hầm : 2.160 m<sup>2</sup>
- Tầng cao : 28 tầng nổi + 03 tầng hầm

#### Toà NO-DV03

- Diện tích khu đất : 1.801 m<sup>2</sup>
- Diện tích xây dựng : 976 m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn tầng hầm : 1.604 m<sup>2</sup>
- Tầng cao : 27 tầng nổi + 03 tầng hầm

#### Toà NO-DV04

- Diện tích khu đất : 1.824 m<sup>2</sup>
- Diện tích xây dựng : 976 m<sup>2</sup>
- Diện tích sàn tầng hầm : 1.639 m<sup>2</sup>
- Tầng cao : 27 tầng nổi + 03 tầng hầm

### 2. THÔNG TIN GÓI THẦU

Bao gồm cung cấp, lắp đặt, hoàn thiện tại công trình tòa nhà NO-DV02. Khối lượng cung cấp, lắp đặt gồm:

| STT      | Tên cửa, vách kính              | Đơn vị | Số bộ | Kích thước     |               | Tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|----------|---------------------------------|--------|-------|----------------|---------------|----------------------------------|
|          |                                 |        |       | Chiều rộng (m) | Chiều cao (m) |                                  |
| <b>I</b> | <b>Phần cửa vách nhôm kính</b>  |        |       |                |               |                                  |
| 1        | Cửa đi nhôm kính 1 cánh mở quay | m2     |       |                |               | 640,340                          |
|          | DL3                             |        | 250   | 0,850          | 2,200         | 467,500                          |
|          | DK1                             |        | 2     | 1,100          | 2,200         | 4,840                            |
|          | DL2                             |        | 50    | 1,400          | 2,400         | 168,000                          |
| 2        | Cửa đi nhôm kính mở trượt       | m2     |       |                |               | 1.260,000                        |
|          | DL1                             |        | 250   | 2,100          | 2,400         | 1.260,000                        |
| 3        | Cửa sổ nhôm kính mở lật         | m2     |       |                |               | 1.950                            |
|          | S1                              |        | 500   | 1,800          | 2,100         | 1.890,000                        |
|          | S2                              |        | 100   | 0,600          | 1,000         | 60,000                           |
| 4        | Cửa sổ nhôm kính mở trượt       | m2     |       |                |               | 123,750                          |
|          | S3                              |        | 125   | 0,900          | 1,100         | 123,750                          |
| 5        | Cửa sổ nhôm kính cố định        | m2     |       |                |               | 78,000                           |
|          | S4                              |        | 50    | 1,200          | 1,300         | 78,000                           |
| 6        | Vách kính cường lực             | m2     |       |                |               | 70,875                           |
|          | VK1.1                           |        | 2     | 2,625          | 5,900         | 30,975                           |
|          | VK2.1                           |        | 4     | 2,625          | 3,800         | 39,900                           |
| 7        | Vách kính kèm cửa đi thủy lực   | m2     |       |                |               | 635,229                          |
|          | VK1.8                           |        | 1     | 6,175          | 3,900         | 24,083                           |
|          | DVK1                            |        | 3     | 1,875          | 3,150         | 17,719                           |
|          | DVK2                            |        | 1     | 2,115          | 3,150         | 6,662                            |
|          | DVK3                            |        | 1     | 3,720          | 3,150         | 11,718                           |
|          | DVK4                            |        | 1     | 8,900          | 3,150         | 28,035                           |
|          | DVK5                            |        | 1     | 12,775         | 3,150         | 40,241                           |
|          | VK1.2                           |        | 1     | 4,880          | 3,900         | 19,032                           |
|          | VK1.3                           |        | 1     | 4,895          | 3,900         | 19,091                           |
|          | VK1.4                           |        | 1     | 5,070          | 3,950         | 20,027                           |
|          | VK1.5                           |        | 2     | 5,950          | 5,900         | 70,210                           |
|          | VK1.6                           |        | 2     | 6,190          | 5,900         | 73,042                           |
|          | VK1.7                           |        | 1     | 6,175          | 3,900         | 24,083                           |

| STT       | Tên cửa, vách kính   | Đơn vị         | Số bộ | Kích thước     |               | Tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----------|--|----------------|-------|----------------|---------------|----------------------------------|
|           |  |                |       | Chiều rộng (m) | Chiều cao (m) |                                  |
|           | VK1.9  |                | 2     | 6,600          | 5,900         | 77,880                           |
|           | VK1.10   |                | 4     | 6,700          | 5,900         | 158,120                          |
|           | VK1.11   |                | 1     | 7,945          | 5,700         | 45,286                           |
| 8         | Vách kính kèm cửa sổ mở lật                                | m2             |       |                |               | 382,147                          |
|           | VK2.2  |                | 1     | 4,880          | 3,800         | 18,544                           |
|           | VK2.3  |                | 1     | 4,895          | 3,800         | 18,601                           |
|           | VK2.4  |                | 2     | 5,950          | 3,800         | 45,220                           |
|           | VK2.5  |                | 3     | 6,175          | 3,800         | 70,395                           |
|           | VK2.6  |                | 1     | 6,190          | 3,800         | 23,522                           |
|           | VK2.7  |                | 2     | 6,600          | 3,800         | 50,160                           |
|           | VK2.8  |                | 4     | 6,700          | 3,800         | 101,840                          |
|           | VK2.9  |                | 1     | 7,080          | 3,800         | 26,904                           |
|           | VK2.10   |                | 1     | 7,095          | 3,800         | 26,961                           |
| 9         | Vách kính kèm cửa sổ mở lật                                | m2             |       |                |               | 41,820                           |
|           | VKM  |                | 4     | 5,100          | 2,050         | 41,820                           |
| <b>II</b> | <b>Vách kính tắm</b>                                       |                |       |                |               |                                  |
| 1         | Cung cấp, lắp dựng vách kính tắm, kính cường lực.          | m <sup>2</sup> |       |                |               | 1.353,429                        |
| 2         | Bộ phụ kiện vách kính tắm bằng inox, loại vách kính 3 mảnh | bộ             |       |                |               | 300,000                          |
| 3         | Bộ phụ kiện vách kính tắm bằng inox, loại vách kính 2 mảnh | bộ             |       |                |               | 250,000                          |

**Ghi chú:** Nhà thầu căn cứ hồ sơ thiết kế gửi kèm, kiểm tra lại khối lượng, đặc tính kỹ thuật và tính toán, đề xuất phương án đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Giá chào bao gồm cả chi phí vận chuyển, bốc dỡ, điện nước thi công, vệ sinh, lắp đặt, hoàn thiện tại công trình.

**a. Tiến độ thực hiện hợp đồng**

Tổng thời gian cung cấp, lắp đặt 120 ngày. Dự kiến từ ngày 05/05/2019 đến ngày 01/09/2019.

### 3. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC, KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

Sử dụng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSCG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính, khi tất cả yêu cầu về năng lực, kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.

#### a. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

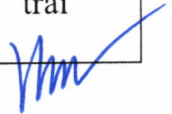
| TT  | Nội dung  | Yêu cầu tối thiểu    |
|-----|---|----------------------|
| 1   | Năng lực kinh nghiệm:   |                      |
| 1.1 | Số năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp, lắp đặt cửa nhôm kính, vách kính, cửa chớp (Tính đến thời điểm tháng 02/2019). Bản sao có công chứng các tài liệu pháp lý: Giấy đăng ký kinh doanh.                                       | 3 năm                |
| 1.2 | Số lượng hợp đồng và biên bản bàn giao đưa vào sử dụng hoặc thanh lý hợp đồng (bản sao công chứng) của nhà thầu đã hoặc đang cung cấp, lắp đặt (Nhà cao >20 tầng) trong vòng 03 năm gần đây (2016; 2017; 2018)                                  | 03 hợp đồng          |
| 2   | Năng lực kỹ thuật   |                      |
| 2.1 | Số lượng cán bộ kỹ thuật giám sát là đúng chuyên ngành có thâm niên công tác từ 5 năm trở lên, cụ thể:  |                      |
|     | + Kỹ xây dựng   | 02 người             |
|     | + Kỹ sư cơ khí  | 02 người             |
| 2.2 | Số lượng công nhân kỹ thuật có trình độ và khả năng phù hợp với các công việc đảm nhận gia công, lắp đặt cửa nhôm kính, vách kính:  |                      |
|     | + Số công nhân có kinh nghiệm > 3 năm   | 05 người             |
|     | + Số công nhân có kinh nghiệm > 1 năm   | 30 người             |
| 2.3 | Số lượng máy móc thiết bị mà nhà thầu huy động để thực hiện gói thầu nhằm đảm bảo tiến độ đề ra.  | Có danh sách         |
| 3   | Năng lực tài chính trong thời gian 03 năm gần đây:  |                      |
| 3.1 | Tình hình tài chính lành mạnh: Nhà thầu phải đáp ứng tình tài chính lành mạnh sau:<br>Nhà thầu hoạt động không bị thua lỗ trong 03 năm. Có bảng quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm gần nhất, hoặc biên bản quyết toán thuế năm gần nhất. | Đáp ứng theo yêu cầu |
| 3.2 | Doanh thu bình quân trong 03 năm (2016, 2017, 2018):  | ≥ 10 tỷ VNĐ          |
| 3.3 | + Lợi nhuận sau thuế từng năm 2016, 2017, 2018  | > 0                  |
|     | Kết luận:   |                      |

|  |   |           |
|--|---|-----------|
|  | Nhà thầu đáp ứng được tất cả các tiêu chí 1,2,3 ở trên          | Đạt       |
|  | Nhà thầu không đáp ứng được một trong các tiêu chí 1,2,3 ở trên | Không đạt |

**b. Yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá:**

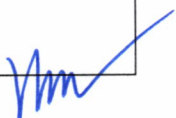
| TT       | Loại                           | Mức độ đáp ứng  |                               |
|----------|--------------------------------|---|-------------------------------|
|          |                                | Đạt   | Không đạt                     |
| <b>I</b> | <b>Phần cửa vách nhôm kính</b> |   |                               |
| 1        | DL1                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa đi mở trượt khuôn nhôm kính kết hợp vách kính cố định;</li> <li>- Sử dụng nhôm hệ cửa đi lùa Xingfa dày 1.4mm, sơn tĩnh điện. Cây móc của cánh trượt và cây đỡ móc ô fix dùng cây D1517 (50x79mm) dày 1.8mm;</li> <li>- Kính dán an toàn màu trắng trong dày 8.38 mm;</li> <li>- Tay cửa trong và ngoài;</li> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Bánh xe đôi, chốt sập cửa lùa;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Phụ kiện đồng bộ.</li> </ul>                | Không giống nội dung bên trái |
| 2        | DL2                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa đi khuôn nhôm kính 1 cánh mở quay kết hợp ô fix;</li> <li>- Sử dụng khung nhôm hệ Việt Pháp 4400 VIP dày 1.2mm, sơn tĩnh điện;</li> <li>- Thanh đỡ tĩnh giữa tổ hợp 02 cây 4412 + 01 cây 433A và gia cường thêm 01 cây hộp 38x50x1mm;</li> <li>- Cánh dùng kính dán an toàn màu trắng trong dày 8.38 mm, ô fix dùng kính dán an toàn màu trắng trong dày 6.38 mm;</li> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Phụ kiện đồng bộ.</li> </ul> | Không giống nội dung bên trái |
| 3        | DL3, DK1                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa đi khuôn nhôm kính 1 cánh mở quay;</li> <li>- Sử dụng khung nhôm hệ Việt Pháp 4400 VIP dày 1.2mm, sơn tĩnh điện;</li> <li>- Kính dán an toàn màu trắng trong dày 6.38 mm;</li> </ul>   | Không giống nội dung bên trái |

| TT | Loại                              | Mức độ đáp ứng  |                               |
|----|-----------------------------------|---|-------------------------------|
|    |                                   | Đạt   | Không đạt                     |
|    |                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Phụ kiện đồng bộ;</li> </ul> (Cánh cửa DK1 có 01 đồ ngang)  |                               |
| 4  | S1                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa sổ khuôn nhôm 1 cánh mở hất, ô fix;</li> <li>- Gộp 2 ô fix lớn (bỏ thanh đồ ngang);</li> <li>- Khuôn nhôm hệ Việt Pháp 4400 dày 1.2mm, sơn tĩnh điện;</li> <li>- Gia cố thêm thanh chịu lực 38x76x1mm dọc theo thanh đồ đứng ở giữa;</li> <li>- Ô fix lớn dùng kính dán an toàn màu trắng trong dày 10.38mm;</li> <li>- Ô fix nhỏ và cánh dùng kính dán an toàn màu trắng trong dày 6.38mm;</li> <li>- Tay cửa trong;</li> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Phụ kiện Chunguang, GQ, Draho: Bản lề chữ A, sử dụng bản lề 14 -&gt;16 inch, tay chống gió, tay cài;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Phụ kiện đồng bộ.</li> </ul> | Không giống nội dung bên trái |
| 5  | S2                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa sổ khuôn nhôm 1 cánh mở hất;</li> <li>- Khuôn nhôm hệ Việt Pháp 4400 dày 1.2mm, sơn tĩnh điện;</li> <li>- Kính dán an toàn màu trắng trong dày 6.38mm;</li> <li>- Tay cửa trong;</li> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Phụ kiện Chunguang, GQ, Draho: Bản lề chữ A, sử dụng bản lề 14 -&gt;16 inch, tay chống gió, tay cài;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Phụ kiện đồng bộ.</li> </ul>  | Không giống nội dung bên trái |
| 6  | S3 (điều chỉnh thành cửa lùa), S4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa sổ khuôn nhôm 2 cánh trượt;</li> <li>- Khuôn nhôm hệ Việt Pháp 2600 dày 1.2mm, sơn tĩnh điện;</li> <li>- Kính dán trắng an toàn dày 6.38mm;</li> <li>- Tay cửa trong;</li> </ul>   | Không giống nội dung bên trái |






| TT | Loại   | Mức độ đáp ứng   |                               |
|----|--|--|-------------------------------|
|    |  | Đạt  | Không đạt                     |
|    |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Phụ kiện Chunguang, GQ, Draho: bánh xe đôi, khóa sò cửa lùa;</li> <li>- Phụ kiện đồng bộ;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300.</li> </ul>   |                               |
| 7  | VK2.1  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vách khung nhôm kính cố định;</li> <li>- Thanh đỡ dọc dùng khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng cây TIT08 (55x140x2.5x2.2mm);</li> <li>- Thanh đỡ ngang dùng khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng 52x100 (52x100x2mm);</li> <li>- Kính cường lực màu trắng trong dày 10.38mm;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Phụ kiện đồng bộ.</li> </ul>  | Không giống nội dung bên trái |
| 8  | VK2.2,<br>VK2.3,<br>VK2.4,<br>VK2.5,<br>VK2.6,<br>VK2.7,<br>VK2.8,<br>VK2.9,<br>VK2.10 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vách khung nhôm kính cố định kết hợp cửa sổ mở hất;</li> <li>- Thanh đỡ dọc dùng khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng cây TIT08 (55x140x2.5x2.2mm), khoảng cách bước đỡ <math>\leq 1.4m</math>;</li> <li>- Thanh đỡ ngang dùng khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng 52x100 (52x100x2mm);</li> <li>- Kính cường lực màu trắng trong dày 10.38mm;</li> <li>- Bản lề chưa A, thanh chuyển động, thanh chống gió, tay nắm;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Phụ kiện đồng bộ.</li> </ul> | Không giống nội dung bên trái |
| 9  | DVK1,<br>DVK2,<br>DVK3,<br>DVK4,<br>DVK5   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa kính thủy lực + Khung nhôm kính cố định;</li> <li>- Khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng 52x100 (52x100x2mm);</li> <li>- Ô fix kính cường lực màu trắng trong dày 8 mm;</li> <li>- Cánh cửa thủy lực kính cường lực màu trắng trong dày 12 mm;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Phụ kiện VVP (Thái Lan);</li> </ul>   | Không giống nội dung bên trái |



| TT | Loại  | Mức độ đáp ứng  |                               |
|----|---|---|-------------------------------|
|    |   | Đạt   | Không đạt                     |
|    |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Tay nắm DDT.</li> </ul>  |                               |
| 10 | VK1.2,<br>VK1.3,<br>VK1.4,<br>VK1.7,<br>VK1.8             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa kính thủy lực + Khung nhôm kính cố định;</li> <li>- Thanh đỡ dọc dùng khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng cây TIT08 (55x140x2.5x2.2mm), khoảng cách bước đỡ <math>\leq 1.4\text{m}</math>;</li> <li>- Thanh đỡ ngang dùng khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng 52x100 (52x100x2mm);</li> <li>- Ô fix kính cường lực màu trắng trong dày 8 mm;</li> <li>- Cánh cửa thủy lực kính cường lực màu trắng trong dày 12 mm;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Phụ kiện VVP (Thái Lan);</li> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Tay nắm DDT.</li> </ul>    | Không giống nội dung bên trái |
| 11 | VK1.1,<br>VK1.5,<br>VK1.6,<br>VK1.9,<br>VK1.10,<br>VK1.11 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa kính thủy lực + Khung nhôm kính cố định;</li> <li>- Thanh đỡ dọc dùng khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng cây 50x200 (50x200x4x2.5x3.5mm), khoảng cách bước đỡ <math>\leq 1.2\text{m}</math>;</li> <li>- Thanh đỡ ngang dùng khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng 52x100 (52x100x2mm);</li> <li>- Ô fix kính cường lực màu trắng trong dày 8 mm;</li> <li>- Cánh cửa thủy lực kính cường lực màu trắng trong dày 12 mm;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> <li>- Phụ kiện VVP (Thái Lan);</li> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Tay nắm DDT.</li> </ul> | Không giống nội dung bên trái |
| 12 | VKM   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vách khung nhôm kính cố định kết hợp cửa sổ mở hất;</li> <li>- Thanh đỡ dọc và ngang dùng khung nhôm biên dạng Xingfa hệ mặt dựng 52x100 (52x100x2mm);</li> <li>- Kính dán an toàn màu trắng trong dày 8.38mm;</li> <li>- Bản lề chữ A, thanh chống gió, tay nắm;</li> <li>- Keo tường Apollo A500;</li> <li>- Keo kính Apollo A300;</li> </ul>  | Không giống nội dung bên trái |

| TT        | Loại   | Mức độ đáp ứng   |                               |
|-----------|--|--|-------------------------------|
|           |  | Đạt  | Không đạt                     |
|           |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vít nở Inox 201;</li> <li>- Phụ kiện đồng bộ</li> </ul>   |                               |
| <b>II</b> | <b>Vách kính tắm</b>                                       |  |                               |
| 1         | Vách kính tắm, kính cường lực dày 10mm                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kính cường lực trắng dày 10mm;</li> <li>- Keo Dow Corning Glass &amp; Metal trắng trong;</li> <li>- Phụ kiện: Bản lề cabin, kẹp kính, bát, sỏ;</li> <li>- Nẹp chặn nước, thanh suốt inox D25 dày 1.2mm;</li> <li>- Inox 304.</li> </ul> | Không giống nội dung bên trái |
| 2         | Bộ phụ kiện vách kính tắm bằng inox, loại vách kính 3 mảnh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gioăng từ;</li> <li>- Bản lề inox;</li> <li>- Tay nắm vắt khăn inox;</li> <li>- Định vị kính tường inox;</li> <li>- Con sỏ kẹp kính inox;</li> <li>- Bát gá tường inox;</li> <li>- U kẹp kính inox;</li> <li>- Inox 304.</li> </ul>     | Không giống nội dung bên trái |
| 3         | Bộ phụ kiện vách kính tắm bằng inox, loại vách kính 2 mảnh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gioăng từ;</li> <li>- Bản lề inox;</li> <li>- Tay nắm vắt khăn inox;</li> <li>- Định vị kính tường inox;</li> <li>- Con sỏ kẹp kính inox;</li> <li>- Bát gá tường inox;</li> <li>- U kẹp kính inox;</li> <li>- Inox 304.</li> </ul>     | Không giống nội dung bên trái |



**Ghi chú:**

*Vật tư và phụ kiện chính hãng có đầy đủ CO, CQ của nhà sản xuất.*

**c. Yêu cầu về vật liệu, tiến độ và tiêu chuẩn đánh giá:**

| STT                          | Nội dung yêu cầu                          | Mức độ đáp ứng  |                               |
|------------------------------|---|---|-------------------------------|
|                              |   | ĐẠT   | KHÔNG ĐẠT                     |
| <b>A. Các yêu cầu vật tư</b> |   |   |                               |
| 1                            | Khung nhôm                                | Đô thành/EuroHa (Việt Nam)                                  | Không giống nội dung bên trái |
| 2                            | Kính dán an toàn 6.38mm, 8.38 mm, 10.38mm | Trường Sơn/Hải Long/Hồng Phúc (Việt Nam)                    | Không giống nội dung bên trái |
| 3                            | Vách kính cường lực 8mm, 10mm, 12mm       | Trường Sơn/Hải Long/Hồng Phúc (Việt Nam)                    | Không giống nội dung bên trái |
| 4                            | Phụ kiện                                  | VVP (Thailand)/Chunguang/GQ/Draho                           | Không giống nội dung bên trái |
| a.                           | <i>Phụ kiện cửa đi thủy lực:</i>          | VVP Thái Lan  | Không giống nội dung bên trái |
|                              | - Tay nắm cửa đi thủy lực                 | Bằng Inox (DDT) dài 800                                     |                               |
|                              | - Các phụ kiện khác                       | Bằng inox SUS 304   |                               |
| b.                           | <i>Phụ kiện cửa sổ, cửa đi</i>            | Phụ kiện Chunguang/GQ/Draho                                 |                               |
|                              | - Bản lề chữ A                            | Dài 14-16 inch  |                               |
|                              | - Thanh chống gió                         | Loại sao dài 10-12 inch                                     |                               |
|                              | - Tay chốt cửa sổ lật                     | Loại đơn điểm (cửa sổ tầng căn hộ), đa điểm (cửa sổ tầng 2) |                               |
|                              | - Tay chốt cửa đi mở quay                 | Khóa tay gạt đơn điểm                                       |                               |
|                              | - Bánh xe cửa sổ lùa                      | Bánh xe đôi   |                               |
|                              | - Bánh xe cửa đi trượt                    | Bánh xe đôi   |                               |
|                              | - Khóa cửa sổ lùa                         | Khóa con sò   |                               |
|                              | - Khóa cửa đi trượt                       | Chốt âm gạt có tay cầm                                      |                               |
|                              | - Silicone trong nhà tường                | Apolo 500 – Việt Nam  |                               |
|                              | - Silicone ngoài nhà tường                | Apolo 500 – Việt Nam  |                               |
|                              | - Silicone trong nhà kính                 | Apolo 300 – Việt Nam  |                               |

|                                |   |   |   |
|--------------------------------|---|---|---|
|                                | - Gioăng chống lão hóa                  | Cao su chống lão hóa thường – TQ                  |   |
|                                | - Bulong, ốc vít                        | SUS 201   |   |
| <b>B. Tiêu chuẩn đánh giá:</b> |   |   |   |
| 1                              | Thời gian thi công lắp đặt, hoàn thiện  | Tối đa 120 ngày                                   | >120 ngày   |
| 2                              | Vật tư vật liệu, phụ kiện đầy đủ CO, CQ | Có  | Không có  |
| 3                              | Tiến độ thi công, lắp đặt, hoàn thiện   | Có tiến độ cung cấp, lắp đặt, hoàn thiện chi tiết | Không có tiến độ cung cấp, lắp đặt, hoàn thiện chi tiết |
| 4                              | Phương án tổ chức thi công              | Có phương án chi tiết, khả thi                    | Không có hoặc không chi tiết khả thi                    |
| 5                              | Thời gian bảo hành                      | Tối thiểu 24 tháng                                | <24 tháng   |
| <b>Kết luận</b>                |   | <b>Đạt tất cả (4) nội dung trên</b>               | <b>Không đạt (1) trong (4) nội dung nêu trên</b>        |
|                                |   | <b>Đạt</b>  | <b>Không đạt</b>  |

#### d. Hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

- 1.1. Đơn chào giá: theo mẫu kèm theo (có ký và đóng dấu đại diện pháp nhân). Trường hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ theo quy định để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền. Hiệu lực của đơn chào giá không nhỏ hơn 90 ngày.
- 1.2. Bảng chào giá chi tiết (đề xuất tài chính): theo bảng khối lượng mời chào giá.
- 1.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định.

## BIỂU MẪU

Mẫu số 1

### ĐƠN CHÀO GIÁ

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên bên mời thầu*]  
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số \_\_\_\_ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo, thi công trong thời gian \_\_\_\_\_ [*Ghi tổng thời gian để thi công hoàn thành gói thầu*].

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ \_\_\_\_ giờ, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá*].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(1)</sup>**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

#### Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

## **GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*Ghi tên dự án*] do \_\_\_\_ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

*[-Ký đơn chào giá;*

*- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSCG;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

### **Người được ủy quyền**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu  
(nếu có)]*

### **Người ủy quyền**

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

### Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá cạnh tranh.

## **BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ (Ghi tên Bên nhận bảo lãnh)

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong hợp đồng,..... (Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng) giữa Công ty CP Đầu tư và xây dựng Xuân Mai – là Bên nhận Bảo lãnh và ..... - là Bên được bảo lãnh phải nộp cho Bên nhận lãnh một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Bên được bảo lãnh sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng .....(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng) cho việc thực hiện hợp đồng ;

Chúng tôi,.....(Ghi tên của ngân hàng) có trụ sở đăng ký tại .....(Ghi địa chỉ số điện thoại, số fax, e-mail của ngân hàng), theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang, không yêu cầu nhà thầu phải chấp thuận, và không trì hoãn với bất kỳ lý do nào khác, thanh toán ngay cho Bên nhận bảo lãnh khi có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá .....(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng).

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên nhận bảo lãnh thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều ... của Hợp đồng sau khi Bên được bảo lãnh xuất trình văn bản xác nhận của Bên nhận bảo lãnh về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Bên được bảo lãnh nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày .... tháng .... năm .... hoặc khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo điều kiện nào đến sớm hơn.

Trước 15 ngày hết thời hạn hiệu của Bảo lãnh này mà Bên nhận bảo lãnh chưa thu hồi tiền tạm ứng của Bên được bảo lãnh thì Ngân hàng sẽ tự động trả lại số tiền chưa thu hồi hết cho Bên nhận bảo lãnh (Hoặc gia hạn ngay thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này cho đến khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết tiền tạm ứng với mỗi lần gia hạn là 01 tháng)

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đều phải xuất trình bản gốc của Thư bảo lãnh này, và nội dung của nó được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết./.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)



## THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Số: .....

**Kính gửi :**.....

Địa chỉ: ..... (ghi tên, địa chỉ đăng ký của Bên nhận bảo lãnh)

Căn cứ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng .....(ghi tên hợp đồng) số..... ngày ...../...../.....(sau đây gọi là “Hợp đồng”) giữa .....(ghi tên Bên nhận bảo lãnh) (sau đây gọi là “Chủ đầu tư” ) và khách hàng của chúng tôi là ..... (ghi tên đăng ký của Bên được bảo lãnh) (sau đây gọi là “Nhà thầu”).

Theo đề nghị của Nhà thầu, Chúng tôi - Ngân hàng .....(ghi tên Ngân hàng) có trụ sở đăng ký tại:.....(sau đây gọi là “Ngân hàng”) đồng ý cấp cho Nhà thầu Thư bảo lãnh này và cam kết thanh toán vô điều kiện không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước sẽ trả cho Chủ đầu tư một khoản tiền tối đa là: ..... (ghi số tiền bảo lãnh) bằng chữ:..... sau khi nhận được:

(i) Yêu cầu đòi tiền đầu tiên bằng văn bản của Chủ đầu tư (do người đại diện có thẩm quyền ký) ghi rõ nghĩa vụ mà Nhà thầu đã không thực hiện đúng theo quy định trong Hợp đồng;

(ii) Bản gốc Thư bảo lãnh này;

Trách nhiệm của Chúng tôi theo Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn tối đa trong số tiền ..... (ghi số tiền bảo lãnh) và trách nhiệm này sẽ giảm dần tương ứng với trách nhiệm Nhà thầu đã thực hiện và bảo lãnh Ngân hàng đã được thực hiện (nếu có).

Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày ...../...../..... đến hết ngày ...../...../..... (... ngày kể từ ngày phát hành) và/hoặc đến khi Nhà thầu bàn giao, đưa vào sử dụng, tùy theo điều kiện nào đến sau.

Mọi yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được gửi đến trụ sở của Ngân hàng trong thời gian Thư bảo lãnh còn hiệu lực và trong thời gian làm việc của Ngân hàng.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải xuất trình được bản gốc Thư bảo lãnh này.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)